

Số: 29/2026/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 16 tháng 7 năm 2026

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định tổng mức chi; định mức khoán chi đối với xây dựng  
nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh,  
Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15  
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của  
Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ  
chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi  
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-  
CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của  
Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy  
định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban  
hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01  
tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn  
bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của  
Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5  
năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong  
xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân  
sách Nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 6124/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định tổng mức chi; định mức  
khoán chi đối với xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của Hội  
đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh  
Điện Biên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh số  
115/BC-BPC ngày 14 tháng 7 năm 2026; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội  
đồng nhân dân tại kỳ họp;*

*Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định tổng mức chi; định mức khoán chi đối với xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.*

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định về tổng mức chi; định mức khoán chi đối với xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên.

2. Các nội dung khác không được quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 197/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật và các văn bản pháp luật có liên quan.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **Điều 3. Tổng mức chi xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên**

1. Tổng mức chi xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Nghị quyết quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: 250 triệu đồng/văn bản.

b) Các nghị quyết khác: 50 triệu đồng/văn bản.

2. Tổng mức chi xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh: 40 triệu đồng/văn bản.

3. Tổng mức chi xây dựng quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: 30 triệu đồng/văn bản.

### **Điều 4. Định mức khoán chi đối với xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Định mức khoán chi xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (văn bản mới, thay thế) thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành

kèm theo Nghị quyết này.

2. Định mức khoán chi đối với hoạt động soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo quyết định Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (văn bản mới, thay thế): thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Xây dựng nghị quyết, quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết, quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh áp dụng tổng mức chi và định mức khoán chi như sau:

a) Nghị quyết, quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản trở lên: áp dụng bằng tổng mức chi và định mức khoán chi xây dựng 01 nghị quyết, quyết định tương ứng tại Phụ lục I; bằng định mức khoán chi đối với hoạt động soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra tương ứng tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Nghị quyết, quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản: áp dụng bằng 60% tổng mức chi và định mức khoán chi xây dựng 01 nghị quyết, quyết định tương ứng tại Phụ lục I; 60% định mức khoán chi đối với hoạt động soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra tương ứng tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Xây dựng nghị quyết, quyết định bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản: áp dụng bằng 30% tổng mức chi và định mức khoán chi xây dựng 01 nghị quyết, quyết định tương ứng tại Phụ lục I; 30% định mức khoán chi đối với hoạt động soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra tương ứng tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Người đứng đầu đơn vị dự toán được giao thực hiện nhiệm vụ quy định tại Phụ lục I, căn cứ tình hình thực tế và quy định của Nghị quyết này để quyết định mức chi đối với hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị mình thực hiện, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không vượt định mức quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

6. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì nội dung nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện đúng quy định trước thời điểm quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt được thanh toán, quyết toán theo sản phẩm là kết quả nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện, tương ứng định mức khoán chi quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

Nguồn kinh phí cho công tác xây dựng nghị quyết, quyết định quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, các văn bản hướng dẫn thi hành và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

## **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

## **Điều 7. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên quy định định mức phân bổ kinh phí ngân sách nhà nước đối với xây dựng từng loại văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Điện Biên hết hiệu lực từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Văn bản quy phạm pháp luật đã được chấp thuận đăng ký trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực, đang xây dựng thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND. Văn bản quy phạm pháp luật đã được chấp thuận đăng ký trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực, chưa xây dựng hoặc bắt đầu xây dựng từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của Nghị quyết này.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên khóa XVI, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2026./.*

### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và Tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh; LĐ UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Điện Biên;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Điện Biên;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Trang TTĐT tổng hợp Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Lê Thành Đô**

**Phụ lục I**  
**ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI ĐỐI VỚI XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH**  
**CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VÀ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

| STT | Loại văn bản                                                                                                        | Tổng mức chi | Thẩm tra, trình ký nghị quyết <sup>1</sup> | Soạn thảo <sup>2</sup> | Thẩm định <sup>3</sup> | Tổng hợp, rà soát, trình hồ sơ dự thảo nghị quyết, quyết định <sup>4</sup> |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------------------------------------|------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                     |              | Định mức khoán chi                         | Định mức khoán chi     | Định mức khoán chi     | Định mức khoán chi                                                         |
| 1   | Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh                                                                               |              |                                            |                        |                        |                                                                            |
| a)  | Nghị quyết quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương | 250          | 75                                         | 140                    | 21                     | 14                                                                         |
| b)  | Các nghị quyết khác                                                                                                 | 50           | 10                                         | 32                     | 4,8                    | 3,2                                                                        |
| 2   | Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh                                                                                 | 40           | -                                          | 32                     | 4,8                    | 3,2                                                                        |
| 3   | Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh                                                                        | 30           | -                                          | 24                     | 3,6                    | 2,4                                                                        |

<sup>1</sup> Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh là đơn vị dự toán.

<sup>2</sup> Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị dự toán.

<sup>3</sup> Sở Tư pháp là đơn vị dự toán.

<sup>4</sup> Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là đơn vị dự toán.

**Phụ lục II**  
**ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG SOẠN THẢO; THẨM ĐỊNH;**  
**TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ; THẨM TRA NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND)*

| STT | Hoạt động                                                                                                                                                      | Sản phẩm                                                                    | Định mức khoán chi (Triệu đồng)                                                                                     |                     |                                     |                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                                                |                                                                             | Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh                                                                               |                     | Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh | Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh |
|     |                                                                                                                                                                |                                                                             | Nghị quyết quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương | Các nghị quyết khác |                                     |                                              |
|     |                                                                                                                                                                |                                                                             |                                                                                                                     |                     |                                     |                                              |
| A   | SOẠN THẢO                                                                                                                                                      |                                                                             | 140                                                                                                                 | 32                  | 32                                  | 24                                           |
| 1   | Xây dựng báo cáo tổng kết thi hành pháp luật theo quy định tại các điểm b, c, d khoản 1 Điều 21 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (gọi tắt là Luật) | Báo cáo tổng kết thi hành pháp luật                                         | 7                                                                                                                   | 1,6                 | 1,6                                 | -                                            |
| 2   | Xây dựng báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản tại các điểm b, c, d khoản 1 Điều 21 của Luật                             | Báo cáo đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản | 7                                                                                                                   | 1,6                 | 1,6                                 | -                                            |

|   |                                                                                                                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                 |    |     |      |      |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-----|------|------|
| 3 | Xây dựng Tờ trình                                                                                                                                                                                        | Tờ trình                                                                                                                                                                                        | 14 | 3,2 | 3,84 | 3,6  |
| 4 | Xây dựng dự thảo nghị quyết, quyết định                                                                                                                                                                  | Dự thảo nghị quyết, quyết định                                                                                                                                                                  | 42 | 9,6 | 11,2 | 9,6  |
| 5 | Xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo trong trường hợp soạn thảo nghị quyết theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 21 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật                  | Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo                                                                                                                                          | -  | 3,2 | -    | -    |
| 6 | Xây dựng bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo                                                                                                                                                       | Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo                                                                                                                                                       | 7  | 1,6 | 1,6  | 1,2  |
| 7 | Xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có) | Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có) | 14 | 1,6 | 4    | 1,92 |
| 8 | Tổ chức họp tham gia ý kiến hoặc lấy ý kiến tham gia bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức khác ngoài cơ                                                                                                 | Biên bản và danh sách tham gia họp hoặc văn bản tham gia ý kiến.                                                                                                                                | 14 | 3,2 | 3,2  | 2,88 |

|          |                                                                                                                                               |                                                                                                                                |           |            |            |            |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|------------|------------|
|          | quan/đơn vị chủ trì soạn thảo. Trong đó, bắt buộc lấy ý kiến của 04 cơ quan gồm Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ |                                                                                                                                |           |            |            |            |
| 9        | Lấy ý kiến của cơ quan Đảng có thẩm quyền                                                                                                     | Văn bản thông báo/kết luận chủ trương của cơ quan Đảng có thẩm quyền                                                           | 14        | 1,6        | 2,56       | 2,4        |
| 10       | Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý                                                                                      | Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý                                                                                | 4,2       | 0,96       | 0,96       | 1,2        |
| 11       | Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định                                                                                   | Bản tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định                                                                             | 2,8       | 0,64       | 0,64       | 1,2        |
| 12       | Chi lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh                                                                      | Phiếu lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc bằng văn bản | 14        | 3,2        | 3,2        | -          |
| <b>B</b> | <b>THẨM ĐỊNH</b>                                                                                                                              |                                                                                                                                | <b>21</b> | <b>4,8</b> | <b>4,8</b> | <b>3,6</b> |
| 13       | Trường hợp tự thẩm định                                                                                                                       |                                                                                                                                |           |            |            |            |
|          | Xây dựng báo cáo thẩm định                                                                                                                    | Báo cáo thẩm định                                                                                                              | 21        | 4,8        | 4,8        | 3,6        |
| 14       | Trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định                                                                                                       |                                                                                                                                |           |            |            |            |

|          |                                                                                                                                                                          |                                                                         |           |            |            |            |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|------------|------------|------------|
| a)       | Tổ chức họp Hội đồng thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định                                                                                                                   | Chi thành viên tham dự họp, Biên bản cuộc họp.                          | 10,5      | 2,4        | 2,4        | 1,8        |
| b)       | Xây dựng báo cáo thẩm định                                                                                                                                               | Báo cáo thẩm định                                                       | 10,5      | 2,4        | 2,4        | 1,8        |
| 15       | Trường hợp lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản                                                                                                                             |                                                                         |           |            |            |            |
| a)       | Ý kiến thẩm định (Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan)                                                                         | Ý kiến bằng văn bản                                                     | 10,5      | 2,4        | 2,4        | 1,8        |
| b)       | Xây dựng báo cáo thẩm định                                                                                                                                               | Báo cáo thẩm định                                                       | 10,5      | 2,4        | 2,4        | 1,8        |
| <b>C</b> | <b>TỔNG HỢP, TRÌNH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH</b>                                                                                                                    |                                                                         | <b>14</b> | <b>3,2</b> | <b>3,2</b> | <b>2,4</b> |
| 16.      | Tiếp nhận, kiểm tra Hồ sơ dự thảo                                                                                                                                        | Báo cáo/ý kiến của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đối với hồ sơ dự thảo | 3         | 0,68       | 0,8        | 1,2        |
| 17.      | Chuẩn bị tài liệu để lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua họp, phiếu lấy ý kiến hoặc lấy ý kiến của cơ quan Đảng có thẩm quyền | Văn bản lấy ý kiến; Tờ trình xin ý kiến cơ quan Đảng có thẩm quyền      | 3         | 0,68       | 0,8        | -          |

|          |                                                                                                                                    |                                                                                                                                                |           |           |          |          |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------|----------|----------|
| 18       | Hoàn thiện dự thảo sau khi có ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc của cơ quan Đảng có thẩm quyền | Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sau khi có ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân, Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc cơ quan Đảng có thẩm quyền | 3         | 0,68      | 0,8      | -        |
| 19       | Trình dự thảo sau khi đủ điều kiện theo quy định.                                                                                  | Báo cáo/Phiếu trình hồ sơ dự thảo                                                                                                              | 2         | 0,48      | 0,8      | 1,2      |
| 20       | Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm tra                                                                                        | Báo cáo giải trình                                                                                                                             | 3         | 0,68      | -        | -        |
| <b>D</b> | <b>THẨM TRA, TRÌNH KÝ NGHỊ QUYẾT</b>                                                                                               |                                                                                                                                                | <b>75</b> | <b>10</b> | <b>-</b> | <b>-</b> |
| 21       | Phân công thẩm tra                                                                                                                 |                                                                                                                                                | <b>5</b>  | 0,67      | -        | -        |
|          | Xây dựng văn bản phân công, điều chỉnh nội dung liên quan đến công tác thẩm tra                                                    | Thông báo phân công thẩm tra, điều chỉnh phân công thẩm tra (nếu có)                                                                           | 5         | 0,67      | -        | -        |
| 22       | Chủ trì nội dung thẩm tra dự thảo nghị quyết                                                                                       |                                                                                                                                                | 45        | 6         | -        | -        |
| a)       | Tiếp nhận, rà soát hồ sơ, quy trình và tham mưu xây dựng các văn bản chuẩn bị thẩm tra                                             | Công văn, kế hoạch hoặc giấy mời họp phục vụ thẩm tra                                                                                          | 5         | 1         | -        | -        |
| b)       | Xây dựng báo cáo thẩm tra dự thảo nghị quyết                                                                                       | Báo cáo thẩm tra                                                                                                                               | 40        | 5         | -        | -        |

|    |                                                                                |                                                                        |    |      |   |   |
|----|--------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|----|------|---|---|
| 23 | Phối hợp thẩm tra                                                              |                                                                        | 18 | 2,4  | - | - |
|    | Xây dựng báo cáo phối hợp nội dung thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh | Báo cáo phối hợp thẩm tra (tính theo sản phẩm của 01 báo cáo phối hợp) | 6  | 0,8  | - | - |
| 24 | Hoàn thiện dự thảo nghị quyết và trình ký chứng thực, ban hành nghị quyết      | Nghị quyết                                                             | 7  | 0,93 | - | - |